TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Hằng.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn T, sinh năm: 1980. Cư trú tại: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Trần Thị Kim Ng, sinh năm: 1987. Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2019, bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Kim Ng tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2004, nhưng đến 14/02/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường

xuyên cãi vả nhau, anh T và chị Ng sống ly thân từ tháng 12/2007 cho đến nay. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ng không còn, nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Ng; Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị Ng có 01 người con chung tên là Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005. Hiện nay, Ph đang sống chung với anh T. Theo đơn khởi kiện thì anh T yêu cầu giao con cho chị Ng nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T sẽ không cấp dưỡng nuôi con, nay anh T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu nuôi con chung là Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu gì.

Bị đơn là chị Trần Thị Kim Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, chị Ng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Ng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho anh T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Chị Trần Thị Kim Ng là bị đơn trong vụ án, chị Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2019, anh T yêu cầu ly hôn với chị Ng, yêu cầu giao con chung là Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho chị Ng nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh T không có yêu cầu gì. Nay anh T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là anh T yêu cầu nuôi con chung là Trần Tấn Ph,

sinh ngày 29/01/2005 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Trần Thị Kim Ng là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 12/2007, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Ng là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị Ng.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh T và chị Ng có 01 người con chung tên là Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005. Tại phiên tòa hôm nay, anh T yêu cầu nuôi con chung là Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn chị Trần Thị Kim Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của anh T, nhưng chị Ng không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy. Từ khi anh T và chị Ng ly thân cho đến nay thì thời gian đầu cháu Ph sống chung với chị Ng. Sau đó, cháu Ph về sống chung với anh T, nhưng chị Ng không có ý kiến phản đối. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thì cháu Ph có nguyện vọng chung sống với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho anh T nuôi dưỡng đến khi thành niên, do anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con, nên chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho chị Ng, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Chị Ng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Kim Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tấn Ph, sinh ngày 29/01/2005 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph thành niên. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho chị Ng, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006072 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chị Ng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Trần Thị Kim Ng không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên